

Bản án số: 65/2022/HS-ST  
Ngày: 21-12-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hậu; ông Phan Tấn Lãm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Hữu Phương - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Vũ Anh A (tên gọi khác: không), sinh năm 1985, tại Bình Phước; nơi cư trú cũng như chỗ ở: Ấp TT, xã TB, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Đình B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 11 tháng 4 năm 2001, phạm tội “Cướp tài sản”, đến ngày 18 tháng 9 năm 2002, bị Tòa Phúc thẩm tại TP.HCM xử phạt 02 năm tù (theo bản án số: 1606/HSPT). Bị cáo chấp hành án phạt tù tại Trại giam TLC, đến ngày 18 tháng 4 năm 2003 chấp hành xong hình phạt tù về thôn 3 PV, xã ĐH, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập sinh sống. Đến ngày 26 tháng 5 năm 2003, phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đến ngày 14 tháng 11 năm 2003, bị Đội CSĐT Công an huyện Phước Long (cũ) khởi tố bị can, sau đó bị cáo bỏ trốn, đến ngày 14 tháng 9 năm 2022 bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã số 24 ngày 16 tháng 11 năm 2003 của Đội CSĐT Công an huyện Phước Long (cũ), tỉnh Bình Phước và bị tạm giam cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại:* Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn 8, xã ĐH, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 2, xã PV, Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

Ông Phạm Vũ Anh E, sinh năm 1983; nơi cư trú: 265, ấp TN, xã NPT, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (*vắng mặt không có lý do*).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về hành vi phạm tội như sau:***

Khoảng 18 giờ ngày 26 tháng 5 năm 2003, Hoàng Văn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA, màu đỏ (*xe có BKS: 60M1-9438, nhưng chưa gắn biển số*) đến chòi gỗ của Phạm Vũ Anh A ở phía sau Trung tâm cai nghiện ĐH (*thuộc xã ĐH, huyện Phước Long cũ*) để rủ A đi uống cà phê. Tại đây, D nói với A đến nhà của Nguyễn Hoàng Đ tại ấp 1 PV, xã ĐH, huyện Phước Long cũ, để rủ Đ và Nguyễn Văn F (*anh của Đ*) cùng đi và A đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe mô tô BKS: 60M1-9438 chở A đến nhà Đ và F. Trong lúc A, D, F và Đ ngồi nói chuyện với nhau, thì A rủ mọi người cùng đi uống cà phê thì được tất cả đồng ý. Lúc này, A nói với D để A chở Đ đến quán cà phê “Thùy Trang” gần chợ PV trước rồi quay lại chở D và F sau, thì D đồng ý và giao xe mô tô BKS: 60M1- 9438 cho A. Sau đó, A điều khiển xe chở Đ đến quán cà phê “Thùy Trang” rồi quay lại chở D và F. Trên đường quay lại đón D và F, A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe này của D để dùng làm phương tiện đi lại và để khoe với người thân ở TP.HCM. Để thực hiện ý định này, A điều khiển xe mô tô BKS: 60M1-9438 đi về TP.HCM. Tại đây, A đi thăm người thân và tiêu xài hết số tiền mang theo nên đã bán xe mô tô này cho 02 người đàn ông (*không rõ nhân thân, lai lịch*) được 2.000.000 đồng và đã tiêu xài hết. Sau đó, A đón xe khách về lại xã ĐH rồi bỏ trốn từ đó cho đến ngày 14 tháng 9 năm 2022 A bị bắt theo Quyết định truy nã số 24 ngày 16 tháng 11 năm 2003 của Đội CSĐT Công an huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Đối với Hoàng Văn D, sau khi không thấy Phạm Vũ Anh A trả xe, D đã làm đơn trình báo Công an xã ĐH và Công an huyện Phước Long để giải quyết vụ việc.

Theo kết quả định giá tài sản số 24 ngày 18 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Bù Gia Mập thì xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA, màu đỏ, BKS: 60M1- 9438 tại thời điểm ngày 19 tháng 5 năm 2003 có giá trị là 7.380.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 62/CTr-VKS ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo Phạm Vũ Anh A về tội “lạm dụng tín

nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 Điều 46; 47; 33; 45; 69; 74 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Vũ Anh A từ 09-12 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo đã bồi thường cho người bị hại và người bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng số 62/CTr-VKS ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2.1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với kết luận điều tra, kết luận định giá tài sản, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng mối quan hệ quen biết, nên ngày 26 tháng 5 năm 2003, bị cáo Phạm Vũ Anh A đã hỏi mượn chiếc xe mô tô

nhãn hiệu LISOHAKA màu đỏ, BKS: 60M1-9438 của ông Hoàng Văn D, sau đó chiếm đoạt rồi bỏ trốn, trị giá tài sản tại thời điểm ngày 26 tháng 5 năm 2003 là 7.380.000 đồng.

[2.2] Khi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình, biết việc lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu là ông Hoàng Văn D trong việc giao tài sản để về nhà chờ ông Hoàng Văn D và ông Nguyễn Văn F đi uống cà phê, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm soát: 60M1- 9438 để làm phương tiện đi lại và về thăm gia đình tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, bị cáo đã bán chiếc xe mô tô này cho 02 người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch được 2.000.000 đồng và tiêu xài hết, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do tài sản mà bị cáo chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 7.380.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích do chưa nộp tiền án phí, cụ thể là ngày 11 tháng 4 năm 2001, phạm tội “*Cướp tài sản*”, đến ngày 18 tháng 9 năm 2002, bị Tòa Phúc thẩm tại TP.HCM xử phạt 02 năm tù (theo bản án số: 1606/HSPT). Nên lần phạm tội lần này, bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3] Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên (*dưới 18 tuổi*) nên cần áp dụng điều 69; 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại là ông Hoàng Văn D đã nhận số tiền do bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả, tương ứng với giá trị tài sản chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA, màu đỏ, BKS: 60M1-9438 hiện nay không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề để xem xét.

[6] Đối với 02 người đàn ông mua xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA, màu đỏ, BKS: 60M1-9438, do không xác minh được nhân thân, lai lịch nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo **Phạm Vũ Anh A** (tên gọi khác: không) phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

### **2. Về hình phạt:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 33; 45; 69; 74 của Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Vũ Anh A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày ngày 14 tháng 9 năm 2022

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Do các bên không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về Vật chứng vụ án:** Không xem xét

### **5. Về án phí hình sự sơ thẩm:**

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Phạm Vũ Anh A phải chịu 200.000 đồng.

### **5. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**VĂN PHÚ VINH**